

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 89/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06/9/2024

“V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Kền và bà Hồ Thị Lan

- **Thư ký phiên tòa:** bà Vũ Phương Thanh - Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:** ông Trần Mạnh Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 193/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024, về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988; nơi cư trú: khu C, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Bị đơn: anh Nguyễn Ngọc G, sinh năm 1984; nơi đăng ký thường trú: tổ 6, khu 6, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (đề nghị xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh G chung sống, kết hôn với nhau từ tháng 12 năm 2022, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố H. Sau kết hôn vợ chồng sinh sống tại phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống đến tháng 01 năm 2023 anh G có hành vi bạo lực với chị H làm ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất, tinh thần của chị H, dẫn đến anh, chị sống ly thân từ thời điểm đó. Mặt khác, anh G có hành vi vi phạm pháp luật, bị xét xử và phải chấp hành hình phạt tù nhiều năm tù cũng làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Nay chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H ly hôn với anh G.

- Về con chung: anh, chị không có con chung.

- Về tài sản và khoản nợ chung: không có

* Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Ngọc G trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: anh G và chị H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố H vào ngày 01/12/2022. Sau kết hôn anh, chị sinh sống tại phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống anh, chị hoà thuận được mấy tháng đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ cách ứng xử với nhau trong đời sống vợ chồng. Tình trạng mâu thuẫn dẫn đến anh, chị không có tiếng nói chung, không còn sự tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Khoảng tháng 5 năm 2023, khi mâu thuẫn vợ chồng đỉnh điểm thì anh, chị đã xảy ra xô sát, trong lúc nóng giận không làm chủ được bản thân anh G đã đánh đập chị H. Ngay sau sự việc đó, chị H đã bỏ nhà đi và anh, chị đã sống ly thân từ thời điểm đó đến ngày 22/02/2024 thì anh G bị bắt khẩn cấp do có hành vi vi phạm pháp luật. Theo bản án số 132 ngày 04/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố H, anh G phải chấp hành hình phạt 42 tháng tù. Trong thời gian sống ly thân anh, chị không ai quan tâm đến ai về mọi mặt. Nay hôn nhân giữa anh, chị không có hạnh phúc, tình cảm không thể hàn gắn được, anh G hoàn toàn nhất trí với quan điểm của chị H về việc ly hôn.

- Về con chung: anh, chị không có con chung.

- Về tài sản và khoản nợ chung: không có

* Các tài liệu nguyên đơn cung cấp kèm theo đơn khởi kiện gồm: 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị H (bản sao); 01 sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Nguyễn Văn Đ (bản sao); 01 đơn trình bày đề ngày 11/7/2024 của chị H; 01 bản án số 132/2024/HSST ngày 04/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố H (bản sao) và 04 ảnh màu.

* Các tài liệu do Tòa án thu thập: các biên bản xác minh ngày 01/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố H tại UBND phường B, Công an phường B thể hiện nội dung: anh Nguyễn Ngọc G có đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988; nơi cư trú: khu Chùa Bằng, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 133 ngày 02/12/2023; anh G có 02 con, hiện 01 con sinh năm 2015 đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ anh G tại tổ 6, khu 6, phường B, thành phố H. Anh G có đăng ký thường trú tại tổ 6, khu 6, phường B, thành phố H, nhưng thường xuyên vắng mặt tại địa phương, thì thoảng có về nhà thăm gia đình rồi lại đi ngay. Hiện anh G đang chấp hành án phạt tù.

* *Tại phiên tòa, Kiểm sát Viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh phát biểu ý kiến như sau:*

- Về tố tụng: quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn được đảm bảo đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự, của nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại các Điều: 70, 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị H về việc ly hôn, xử cho chị H ly hôn với anh G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn khởi kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình của chị Nguyễn Thị H là tranh chấp về ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự; tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án bị đơn có nơi đăng ký thường trú tại địa bàn phố H. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý, giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định tại khoản điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Ngọc G vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh G đảm bảo theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án tiến hành thu thập theo đúng trình tự pháp luật quy định, các đương sự không có ý kiến gì. Do đó, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được sử dụng là căn cứ giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung:

1- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: căn cứ lời khai của các đương sự, các tài liệu do nguyên đơn cung cấp, do Tòa án thu thập nêu trên có đủ căn cứ xác định: anh Nguyễn Văn G và chị Nguyễn Thị H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố H vào 02/12/2023, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh, chị không mấy hoà thuận hạnh phúc nên anh, chị đã sống ly thân vào khoảng tháng 5 năm 2023, sau đó anh G bị bắt khẩn cấp vào ngày 22/02/2024 do có hành vi vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân thành phố H xét xử 42 tháng tù. Xét hôn nhân giữa anh, chị đã rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh G nhất trí với quan điểm của chị H về việc ly hôn. Do đó, cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, xử cho chị H ly hôn với anh G.

- Về con chung: các đương sự đều trình bày không có, nên không xét.

- Về tài sản, khoản nợ chung: các đương sự đều trình bày không có, nên không xét.

[3] Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[2] Tuyên xử:

2.1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, về việc: “tranh chấp ly hôn” với bị đơn anh Nguyễn Ngọc G; xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn với anh Nguyễn Ngọc G.

2.2. Về án phí: buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp, theo biên lai thu số 0001056 ngày 25/7/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

2.3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố H;
- VKSND Tỉnh Quảng Ninh;
- Ủy ban nhân dân phường B, TP H, tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự TP H;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hồng